

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-05-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình
2. Bà Vương Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐST-HN ngày 30 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HN ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986.

- *Bị đơn:* Anh Bạch Thanh T1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương.

Chị T và anh T1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Chị và anh Bạch Thanh T1 chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình. Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Bạch Chí Th, sinh ngày 09/5/2003 và Bạch Ngọc Tr, sinh ngày 07/6/2011, hiện 02 con đang chung sống với chị, không có tài sản chung cũng không nợ ai. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị và anh T1 luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, chị và anh T1 sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh T1 không bàn bạc việc đoàn tụ. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Bạch Thanh T1 trình bày:* Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh xác nhận lời trình bày của chị T là đúng, anh không trình bày bổ sung gì thêm. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; giao 02 con cho chị T trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, chị T và anh T1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bạch Thanh T1 thuận tình ly hôn. Nên Hội đồng xét xử cần công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bạch Chí Th, sinh ngày 09/5/2003 và Bạch Ngọc Tr, sinh ngày 07/6/2011. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị T và anh T1 phù hợp theo quy định pháp luật và hiện tại cháu Th và cháu Tr đang chung sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Th và cháu Tr cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T với anh Bạch Thanh T1.

2. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Bạch Chí Th, sinh ngày 09/5/2003 và Bạch Ngọc Tr, sinh ngày 07/6/2011. Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0032269 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng